TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 170/2019/QĐST-DS	*Cao Lãnh, ngày 28 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 113/2019/TLST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Văn V, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 05, ấp 01, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

Bị đơn: Trần Văn C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 06, ấp 01, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trần Văn T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp 6A, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

2/ Trần Thị H, sinh năm 1970;

3/ Trần Văn Y, sinh năm 1973;

4/ Trần Kim B, sinh năm 1976;

5/ Trần Tuyết N, sinh năm 1980;

6/ Trần Thị G, sinh năm 1946;

7/ Trần Phong L, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Tổ 06, ấp 01, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn Thiện là 07 người con gồm Trần Văn T, Trần Thị H, Trần Văn C, Trần Văn Y, Trần Kim B, Trần Văn V, Trần Tuyết N.

Ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Văn C, ông Trần Văn Y, bà Trần Kim B, ông Trần Văn V, bà Trần Tuyết N thống nhất tài sản mà ông Trần Văn Thiện để là phần đất có diện tích là 18795 m^2 tại các thửa 58, 64, 66 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

Ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Văn C, ông Trần Văn Y, bà Trần Kim B, ông Trần Văn V, bà Trần Tuyết N thống nhất dành một phần trong di sản của ông Trần Văn Thiện cho bà Trần Thị G và anh Trần Phong L.

+ Ông Trần Văn V được hưởng diện tích đất 1970.8 m^2 nằm trong phạm vi các mốc M1- M2- M29- M30, thuộc thửa 66, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

+ Ông Trần Văn C được hưởng diện tích đất 1970.8 m^2 nằm trong phạm vi các mốc M25- M24- M23- M22 – M27 – M28, thuộc 1 phần thửa 66 và 1 phần thửa 58, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

+ Ông Trần VănTuấn được hưởng phần diện tích 1970.8 m^2 , nằm trong phạm vi các M2- M3- M4- M25- M28 – M29 thuộc 1 phần thửa 66 và 1 phần thửa 64, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

+ Bà Trần Thị H được hưởng phần diện tích 1970.6 m^2, nằm trong các mốc M11- M12- M13- M19-M20- M21 thuộc thửa 58, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

+ Ông Trần Văn Y được hưởng phần diện tích 1970.8 m^2, nằm trong phạm vi các mốc M9- M10- M11- M21- M22 – M23- M6 – M7 – M8, thuộc thửa 58, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

+ Bà Trần Kim B được hưởng phần diện tích 2000 m^2, nằm trong phạm vi các mốc M22- M21- M20- M26 – M27, thuộc thửa 58, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

+ Bà Trần Tuyết N được hưởng phần diện tích 1970.5 m^2, nằm trong phạm vi các mốc M20- M19- M18- M17 – M26 thuộc thửa 58, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

+ Bà Trần Thị G được được hưởng 1970.8 m^2, nằm trong phạm vi các mốc M13 – M14 – M18 – M19 thuộc thửa 58, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

+ Anh Trần Phong L được hưởng 2999.9 m^2, nằm trong phạm vi các mốc M5 – M6 – M23 – M24- M25 – M4 thuộc thửa 64, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

(Các mốc trên và số đo cụ thể theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/4/2019 và ngày 29/8/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh)

- Đối với các cây trồng trên đất gồm chuối, tràm, dừa, gáo các đương sự thống nhất không tranh chấp, cây trồng nằm trên phần đất của ai được hưởng theo thỏa thuận trên thì người đó được hưởng, không yêu cầu di dời và cũng không yêu cầu trả giá trị.

Ông V, ông C, ông T, bà H, ông Y, bà B, bà N, bà G, anh L có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ ông Trần Văn T tại các thửa 58, 64, 66 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đ để cấp lại cho những người được hưởng thừa kế nêu trên.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 15.649.000 đồng, ông Vàng đồng ý chịu 1.957.000 đồng, ông T, bà H, ông Y, bà B, ông V, bà N, anh L mỗi người phải chịu 1.956.000 đồng chi phí này để trả lại cho ông V vì ông V đã tạm ứng trước.

- Về án phí:

+ Ông Trần Văn V đồng ý chịu 2.660.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng theo biên lai số 0006251 ngày 26/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh; ông Vàng được nhận lại số tiền 839.400 đồng.

+ Ông Trần Văn C đồng ý chịu đồng ý chịu 2.365.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.364.000 đồng theo biên lai số 0006916 ngày 24/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh; ông Cường phải nộp thêm 1000 đồng. Bà Bình đồng ý nộp thay ông Cường.

+ Ông Trần Văn T đồng ý chịu đồng ý chịu 2.365.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.364.000 đồng theo biên lai số 0003025 ngày 02/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh; ông Tuấn phải nộp thêm 1000 đồng. Bà Bình đồng ý nộp thay ông Tuấn.

+ Bà Trần Thị H đồng ý chịu đồng ý chịu 2.365.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.364.000 đồng theo biên lai số 0003026 ngày 02/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh; Bà Hường phải nộp thêm 1000 đồng. Bà Bình đồng ý nộp thay bà Hường.

+ Ông Trần Văn Y đồng ý chịu đồng ý chịu 2.365.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.364.000 đồng theo biên lai số 0003027 ngày 02/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự

huyện Cao Lãnh; ông Ý phải nộp thêm 1000 đồng. Bà Bình đồng ý nộp thay ông Ý.

+ Bà Trần Kim B đồng ý chịu đồng ý chịu 2.400.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản được hưởng và tự nguyện chịu án phí cho ông Cường, ông Tuấn, bà Hường, ông Ý, bà Nhung. Tổng án phí bà Bình phải chịu 2.405.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.364.000 đồng theo biên lai số 0006915 ngày 24/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh; Bà Bình phải nộp thêm 41.000 đồng.

+ Bà Trần Tuyết N đồng ý chịu đồng ý chịu 2.365.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.364.000 đồng theo biên lai số 0006948 ngày 21/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh; Bà Nhung phải nộp thêm 1000 đồng. Bà Bình đồng ý nộp thay bà Nhung.

+ Bà Trần Thị G đồng ý chịu 2.365.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn do là người cao tuổi.

+ Anh Trần Phong L đồng ý chịu đồng ý chịu 3.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.600.000 đồng theo biên lai số 0006917 ngày 24/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh; Anh Lưu đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- Chi cục THADS HCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu: HSVA (H).

THẨM PHÁN

Võ Thị Ngọc Minh